TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2021.
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Ngọc Trầm.

2. Ông Trần Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 592/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị Hồng C, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Trần Văn H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh T (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng C trình bày:

Chị và anh Trần Văn H chung sống vợ chồng vào năm 2007, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh T. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh H đi làm ăn xa, không chăm lo cho cuộc sống của vợ con, có quan hệ bất chính bên ngoài. Mỗi lần chị can ngăn là anh thường đánh đập chị, chị và anh H đã nhiều lần hòa giải và đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn vào đầu năm 2020 nhưng sau đó rút đơn lại để vợ chồng tiếp tục hàn

gắn nhưng vẫn không hàn gắn được. Khoảng gần 02 tháng nay chị và anh H không còn sống chung do anh H về nhà cha ruột tại ấp Trường Ân, xã T, thị xã H, tỉnh T. Nay chị không còn tình cảm với anh H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung vợ chồng chị có hai chung tên là Trần Thị Mộng C, sinh năm 2008, Trần Thị Mộng T, sinh ngày 20-8-2017, ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Anh thống nhất theo lời trình bày của chị C về thời gian vợ chồng sống chung, và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh T. Anh thừa nhận là vợ chồng anh có mâu thuẫn từ đầu năm 2020 cho đến nay, nguyên nhân là do vợ anh không tin tưởng anh nên hay xảy ra gây gỗ. Tuy nhiên theo anh thì mâu thuẫn vợ chồng không lớn, anh vẫn còn thương yêu vợ con do đó không đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Trần Thị Mộng C, sinh năm 2008, Trần Thị Mộng T, sinh ngày 20-8-2017. Nếu Tòa án cho vợ chồng anh chị ly hôn thì anh đồng ý giao hai con chung lại cho chị C nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng C đối với anh Trần Văn H.

Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị Phạm Thị Hồng C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228,

Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về hôn nhân: chị Phạm Thị Hồng C và anh Trần Văn H chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh T đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình sống chung chị C và anh H đều thừa nhận có nhiều mâu thuẫn, chị C đã từng nộp đơn yêu cầu xin ly hôn một lần vào đầu năm 2020 nhưng sau đó muốn cho anh H thêm cơ hội hàn gắn do đó đã rút đơn. Tuy nhiên từ đó cho đến nay anh chị vẫn không hàn gắn được, chị C lại tiếp tục nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với anh H vào tháng 11-2020. Anh H không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn thương yêu vợ con.

Quá trình giải quyết vụ án thấy rằng từ ngày thụ lý cho đến nay, anh H không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Anh H thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi về nhà, qua xác minh những người sống gần gia đình chị C, anh H thừa nhận là vợ chồng anh H, chị C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh H vắng mặt tai phiên tòa sơ thẩm 02 lần không có lý do, cho thấy anh H mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp cũng như thiết tha muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn hân không đạt được cho nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Hồng C đối với anh Trần Văn H.

[3] Về con chung: chị C và anh H có hai con chung là Trần Thị Mộng C, sinh năm 2008 và Trần Thị Mộng T, sinh năm 2017, chị C yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, anh H cũng đồng ý giao hai con chung lại cho chị C nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận yêu cầu của chị C giao hai con chung là cháu Cầm và cháu Tuyền cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn H được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị C, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết vấn đề này.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Hồng C đối với anh Trần Văn H, chị Phạm Thị Hồng C được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Trần Thị Mộng C, sinh năm 2018 và cháu Trần Thị Mộng T, sinh ngày 20-8-2017 cho chị Phạm Thị Hồng C nuôi dưỡng, ghi nhận chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn H có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0009288 ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh T, chị C đã nộp xong án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm Ly